

Số: 634 /QĐ-ĐHNL-ĐT

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 07 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ đợt tháng 7 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐT ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nông Lâm;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 127/QĐ-ĐHTN ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 154/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ biên bản họp hội đồng xét tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ ngày 23/07/2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ cho 24 học viên khóa 31, khóa 32, trong đó: ngành Quản lý đất đai 06 học viên; ngành Kinh tế nông nghiệp 08 và ngành Thú y 10 học viên đợt tháng 7 năm 2026 (có trích ngang kèm theo).

Điều 2. Học viên tốt nghiệp được giao nhiệm vụ và được hưởng quyền lợi do Nhà nước quy định đối với người có học vị thạc sĩ kể từ ngày ký quyết định.

Điều 3. Trưởng Phòng Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Trường Đại học Nông Lâm và các học viên có tên trong danh sách ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- BGH (để b/c);
- Như điều 3 (để t/h);
- Lưu VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Hưng Quang

**DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
VÀ CẤP BẰNG THẠC SĨ KHÓA 31, KHÓA 32 NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI, KINH TẾ NÔNG NGHIỆP,
THỨ Y ĐỢT THÁNG 7 NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số: 634 /QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 24 tháng 07 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm)

T T	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp	Ngành	Số, ngày quyết định trúng tuyển	Số, ngày QĐ thành lập HD bảo vệ	Ngày bảo vệ luận văn	Ngày cấp CCNN (B2)	Điểm BVLV/ ĐA	Điểm TB học tập
1	Lê Thị Thanh	Huyền	Nữ	19/12/1983	Hà Tĩnh	Kinh	QLĐĐ K31A	QLĐĐ	2329/QĐ-ĐHTN, ngày 31/05/2023	517/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 22/6/2026	28/6/2026	19/07/2025	8,9	7,8
2	Nguyễn Đình	Quân	Nam	20/11/1999	Nghệ An	Kinh	QLĐĐ K31A	QLĐĐ	2329/QĐ-ĐHTN, ngày 31/05/2023	517/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 22/6/2026	28/6/2026	19/07/2025	8,7	7,3
3	Phan Đức	Quân	Nam	29/11/1996	Nghệ An	Kinh	QLĐĐ K31A	QLĐĐ	2329/QĐ-ĐHTN, ngày 31/05/2023	517/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 22/6/2026	28/6/2026	19/07/2025	8,7	7,6
4	Ngô Thị Hoài	Thương	Nữ	21/11/1990	Nghệ An	Kinh	QLĐĐ K31A	QLĐĐ	2329/QĐ-ĐHTN, ngày 31/05/2023	517/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 22/6/2026	28/6/2026	19/07/2025	8,7	7,6
5	Lê Thị	Trâm	Nữ	13/12/1992	Lạng Sơn	Kinh	QLĐĐ K32A	QLĐĐ	5377/QĐ-ĐHTN, ngày 24/10/2024	517/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 22/6/2026	28/6/2026	26/05/2026	8,9	8,2
6	Võ Thanh	Nhân	Nam	03/03/1989	Vĩnh Long	Kinh	QLĐĐ K32B	QLĐĐ	5377/QĐ-ĐHTN, ngày 24/10/2024	517/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 22/6/2026	28/6/2026	Đại học Ngôn ngữ Anh	8,8	7,8
7	Bùi Mạnh	Linh	Nam	14/10/1987	Lào Cai	Nùng	KTNN K31	KTNN	5121/QĐ-ĐHTN, ngày 25/10/2023	509/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 22/6/2026	26/6/2026	22/02/2025	8,5	7,6
8	Lê Thị Minh	Anh	Nữ	14/02/1984	Hưng Yên	Kinh	KTNN K32	KTNN	2242/QĐ-ĐHTN, ngày 20/05/2024	509/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 22/6/2026	27/6/2026	Bằng Đại học nước ngoài	8,8	7,9

T T	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp	Ngành	Số, ngày quyết định trúng tuyển	Số, ngày QĐ thành lập HĐ bảo vệ	Ngày bảo vệ luận văn	Ngày cấp CCNN (B2)	Điểm BVLV/ ĐA	Điểm TB học tập
9	Hoàng Anh Dững	Nam	18/03/1995	Điện Biên	Kinh	KTNN K32	KTNN	5377/QĐ-ĐHTN, ngày 24/10/2024	509/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 22/6/2026	27/6/2026	12/04/2025	8,5	7,8
10	Nguyễn Thị Hạ	Nữ	30/08/1989	Điện Biên	Kinh	KTNN K32	KTNN	5377/QĐ-ĐHTN, ngày 24/10/2024	509/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 22/6/2026	27/6/2026	28/03/2025	8,5	8,0
11	Lục Thị Hạnh	Nữ	27/07/1989	Cao Bằng	Nùng	KTNN K32	KTNN	5377/QĐ-ĐHTN, ngày 24/10/2024	509/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 22/6/2026	27/6/2026	28/03/2025	8,5	7,9
12	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	12/03/1983	Thái Nguyên	Kinh	KTNN K32	KTNN	2242/QĐ-ĐHTN, ngày 20/05/2024	509/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 22/6/2026	27/6/2026	Đại học ngôn ngữ Anh	9,5	8,4
13	Hà Thị Khánh	Nữ	02/09/1979	Thái Nguyên	Tày	KTNN K32	KTNN	2242/QĐ-ĐHTN, ngày 20/05/2024	509/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 22/6/2026	27/6/2026	28/03/2025	8,6	8,0
14	Vy Thị Thu Trang	Nữ	04/04/1996	Thái Nguyên	Tày	KTNN K32	KTNN	2242/QĐ-ĐHTN, ngày 20/05/2024	509/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 22/6/2026	27/6/2026	12/04/2025	9,2	8,1
15	Lương Thái Hà	Nữ	29/09/1991	Bắc Ninh	Kinh	TY K32	Thú y	5377/QĐ-ĐHTN, ngày 24/10/2024	508/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 19/6/2026	27/6/2026	Bằng Đại học nước ngoài	7,9	8,1
16	Dương Thị Hồng	Nữ	20/10/1991	Hà Nội	Kinh	TY K32	Thú y	5377/QĐ-ĐHTN, ngày 24/10/2024	508/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 19/6/2026	27/6/2026	Đại học ngôn ngữ Anh	8,6	8,2
17	Trần Quốc Huy	Nam	12/02/1994	Thái Nguyên	Kinh	TY K32	Thú y	5377/QĐ-ĐHTN, ngày 24/10/2024	508/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 19/6/2026	27/6/2026	25/05/2025	8,7	8,1
18	Phan Thị Thúy Linh	Nữ	28/06/1998	Nghệ An	Kinh	TY K32	Thú y	2242/QĐ-ĐHTN, ngày 20/05/2024	508/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 19/6/2026	27/6/2026	19/04/2026	8,6	8,2
19	Trần Mạnh Linh	Nam	06/09/2000	Thái Nguyên	Nùng	TY K32	Thú y	5377/QĐ-ĐHTN, ngày 24/10/2024	508/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 19/6/2026	27/6/2026	06/07/2025	8,5	7,8
20	Nguyễn Thị Nga	Nữ	01/09/1998	Bắc Ninh	Kinh	TY K32	Thú y	2242/QĐ-ĐHTN, ngày 20/05/2024	508/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 19/6/2026	27/6/2026	08/10/2025	8,5	7,9
21	Trần Thị Kim Ngân	Nữ	20/02/1981	Nghệ An	Kinh	TY K32	Thú y	5377/QĐ-ĐHTN, ngày 24/10/2024	508/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 19/6/2026	27/6/2026	Đại học ngôn ngữ Anh	9,1	8,6

T T	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp	Ngành	Số, ngày quyết định trúng tuyển	Số, ngày QĐ thành lập HĐ bảo vệ	Ngày bảo vệ luận văn	Ngày cấp CCNN (B2)	Điểm BVLV/ ĐA	Điểm TB học tập
22	Nguyễn Ngọc Thái	Nam	06/08/1994	Hung Yên	Kinh	TY K32	Thú y	5377/QĐ-ĐHTN, ngày 24/10/2024	508/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 19/6/2026	27/6/2026	19/04/2025	7,4	7,8
23	Nguyễn Thị Thu Trà	Nữ	02/11/1998	Ninh Bình	Kinh	TY K32	Thú y	2242/QĐ-ĐHTN, ngày 20/05/2024	508/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 19/6/2026	27/6/2026	21/09/2025	8,4	7,7
24	Nguyễn Ngọc Yên	Nữ	16/12/1992	Nghệ An	Kinh	TY K32	Thú y	2242/QĐ-ĐHTN, ngày 20/05/2024	508/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 19/6/2026	27/6/2026	Đại học ngôn ngữ Anh	8,4	8,0

Ấn định danh sách 24 học viên. 

